

Số: 527./2022
No. 527./2022

TP. HCM, ngày 19 tháng 7 năm 2022
Ho Chi Minh City, 19 July 2022

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ
ORDINARY INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh /
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
To: State Securities Commission of Vietnam
Hochiminh Stock Exchange / Hanoi Stock Exchange

1. Tên tổ chức/*Name of organization*: Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan / *Masan Group Corporation* (công ty có các trái phiếu niêm yết tại sàn HNX)

- Mã cổ phiếu niêm yết tại sàn HOSE/ *Stock code*: MSN

- Địa chỉ/*Address*: Lầu 8, Tòa nhà Central Plaza, Số 17 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, Quận 1, TP HCM / *8th Floor, Central Plaza, 17 Le Duan, Ben Nghe Ward, District 1, Ho Chi Minh City*

- Điện thoại liên hệ/*Tel.*: 28 6256 3862

Fax: 28 3827 4115

2. Nội dung thông tin công bố: Báo cáo tài chính (riêng và hợp nhất) cho kỳ kết thúc ngày 30/6/2022.

Contents of disclosure: Financial statements (standalone and consolidated basis) for the period ended on 30/6/2022.

(Đối với trường hợp đính chính hoặc thay thế thông tin đã công bố cần giải trình rõ nguyên nhân đính chính hoặc thay thế)/*In case of correction or replacement of previously disclosed information, explanation is needed*)

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 19/7/2022 tại đường dẫn https://masangroup.com/msnew/investor-center/?lang_ui=vn.

This information was disclosed in the folder Corporate Announcements of section Investor Center on the Company's website on 19/7/2022 at https://masangroup.com/msnew/investor-center/?lang_ui=en

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố/*We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.*



Tài liệu đính kèm/Attached documents:

Tài liệu liên quan đến nội dung thông tin công bố như nêu tại mục 2/Documents related to disclosed information at mentioned in paragraph 2.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC
ORGANIZATION REPRESENTATIVE
Người được ủy quyền công bố thông tin
Authorized representative for information disclosure
LUẬT SƯ TRƯỞNG / GENERAL COUNSEL



TRẦN PHƯƠNG BẮC



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MASAN

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ RIÊNG CHO KỲ
KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2022**

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MASAN

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ RIÊNG
CHO KỶ KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2022**

NỘI DUNG	TRANG
Thông tin doanh nghiệp	1
Bảng cân đối kế toán riêng (Mẫu số B 01a – DN)	2
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng (Mẫu số B 02a – DN)	4
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng (Mẫu số B 03a – DN)	5
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng (Mẫu số B 09a – DN)	7

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MASAN

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

**Giấy Chứng nhận Đăng ký
Doanh nghiệp số**

0303576603

ngày 18 tháng 11 năm 2004

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là vào ngày 20 tháng 6 năm 2022. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hội đồng Quản trị

Dr Nguyễn Đăng Quang	Chủ tịch
Bà Nguyễn Hoàng Yến	Thành viên
Ông Nguyễn Thiệu Nam	Thành viên
Ông Ji Han Yoo	Thành viên
Ông Woncheol Park	Thành viên (từ ngày 28 tháng 4 năm 2022) (đến ngày 27 tháng 4 năm 2022)
Ông Nguyễn Đoàn Hùng	Thành viên
Ông David Tan Wei Ming	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thu Hà	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Danny Le	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thiệu Nam	Phó Tổng Giám đốc
Ông Michael Hung Nguyen	Phó Tổng Giám đốc

Người đại diện theo pháp luật

Dr Nguyễn Đăng Quang	Chủ tịch
Ông Danny Le	Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký

Phòng 802, Tầng 8, Tòa nhà Central Plaza
17 Lê Duẩn
Phường Bến Nghé, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MASAN

Mẫu số B 01a – DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2022 VND	1/1/2022 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.780.073.599.709	8.070.249.247.486
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	1.321.090.536.342	4.934.770.809.881
Tiền	111		1.053.258.466.342	4.934.770.809.881
Các khoản tương đương tiền	112		267.832.070.000	-
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		145.166.900.897	44.727.841.148
Chứng khoán kinh doanh	121		100.229.315.000	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		44.937.585.897	44.727.841.148
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		244.838.398.091	3.083.050.602.444
Trả trước cho người bán	132		6.923.310.151	5.188.956.552
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5(a)	235.440.000.000	2.764.488.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	5(c)	2.475.087.940	313.373.645.892
Tài sản ngắn hạn khác	150		68.977.764.379	7.699.994.013
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		838.628.722	240.363.646
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		68.139.135.657	7.459.630.367
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		60.653.146.720.244	43.124.356.190.970
Các khoản phải thu dài hạn	210		32.033.976.166.951	4.828.186.052
Phải thu về cho vay dài hạn	215	5(b)	31.887.946.167.305	-
Phải thu dài hạn khác	216	5(d)	146.029.999.646	4.828.186.052
Tài sản cố định	220		12.364.154.319	13.485.779.544
Tài sản cố định hữu hình	221	6	12.364.154.319	13.485.779.544
Nguyên giá	222		50.913.097.668	49.749.135.368
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(38.548.943.349)	(36.263.355.824)
Tài sản cố định vô hình	227		-	-
Nguyên giá	228		4.697.122.903	4.697.122.903
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.697.122.903)	(4.697.122.903)
Đầu tư tài chính dài hạn	250	7	28.524.897.260.099	42.995.073.255.063
Đầu tư vào các công ty con	251		24.146.060.182.463	24.046.070.182.463
Đầu tư vào công ty liên kết	252		4.378.837.077.636	4.378.837.077.636
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	14.570.165.994.964
Tài sản dài hạn khác	260		81.909.138.875	110.968.970.311
Chi phí trả trước dài hạn	261	8	81.909.138.875	110.968.970.311
TỔNG TÀI SẢN	270		62.433.220.319.953	51.194.605.438.456

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính quý riêng này

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MASAN

Mẫu số B 01a – DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
(tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2022 VND	1/1/2022 VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		39.879.002.587.893	27.618.321.400.305
Nợ ngắn hạn	310		26.117.736.365.581	5.552.547.530.197
Phải trả người bán ngắn hạn	311		45.002.530.237	41.659.055.292
Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước	313		-	50.627.569.721
Phải trả nhân viên	314		62.534.936	62.999.858
Chi phí phải trả	315	9	479.427.310.546	681.849.867.065
Phải trả ngắn hạn khác	319	10	13.390.703.989.862	298.038.261
Vay và trái phiếu phát hành ngắn hạn	320	11	12.202.540.000.000	4.778.050.000.000
Vay và nợ dài hạn	330		13.761.266.222.312	22.065.773.870.108
Vay và trái phiếu phát hành dài hạn	338	11	13.761.266.222.312	22.065.773.870.108
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		22.554.217.732.060	23.576.284.038.151
Vốn chủ sở hữu	410	12	22.554.217.732.060	23.576.284.038.151
Vốn cổ phần	411	13	14.237.247.830.000	11.805.346.920.000
Thặng dư vốn cổ phần	412	13	8.723.127.701.079	11.084.246.541.079
Vốn khác của chủ sở hữu	414	14	(1.695.338.182.568)	(1.695.338.182.568)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.289.180.383.549	2.382.028.759.640
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối kỳ trước	421a		2.382.028.759.640	656.102.058.618
- (Lỗ)/lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		(1.092.848.376.091)	1.725.926.701.022
TỔNG NGUỒN VỐN	440		62.433.220.319.953	51.194.605.438.456

Ngày 29 tháng 7 năm 2022

Người lập:



Nguyễn Huy Hùng
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Đỗ Thị Quỳnh Trang
Giám đốc Tài chính



Danny Le
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính quý riêng này

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MASAN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Mẫu số B 02a – DN

Mã số	Thuyết minh	Từ 1/4/2022 đến 30/6/2022 VND	Từ 1/4/2021 đến 30/6/2021 VND	Từ 1/1/2022 đến 30/6/2022 VND	Từ 1/1/2021 đến 30/6/2021 VND
21	15	181.576.148.669	55.289.996.040	233.943.989.988	59.195.826.331
22	16	686.919.954.287	680.939.816.031	1.285.489.446.322	1.387.450.271.890
23		530.923.919.260	616.089.109.787	1.053.492.134.085	1.246.758.968.347
26		93.413.709.883	73.190.527.833	152.602.209.304	125.270.169.414
30		(598.757.515.501)	(698.840.347.824)	(1.204.147.665.638)	(1.453.524.614.973)
40		17.800.000	(65.000.000.000)	17.800.000	(65.000.000.000)
50		(598.739.715.501)	(763.840.347.824)	(1.204.129.865.638)	(1.518.524.614.973)
51		(111.281.489.547)	-	(111.281.489.547)	-
52		-	-	-	-
60		(487.458.225.954)	(763.840.347.824)	(1.092.848.376.091)	(1.518.524.614.973)

Ngày 29 tháng 7 năm 2022

Người lập:



Nguyễn Huy Hùng
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Đỗ Thị Quỳnh Trang
Giám đốc Tài chính



Danny Le
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính quý riêng này

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MASAN

Mẫu số B 03a – DN

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
(Phương pháp gián tiếp)**

	Mã số	Thuyết minh	Từ 1/1/2022 đến 30/6/2022 VND	Từ 1/1/2021 đến 30/6/2021 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lỗ trước thuế	1		(1.204.129.865.638)	(1.518.524.614.973)
Điều chỉnh cho				
Khấu hao và phân bổ (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	2		2.285.587.525	2.699.987.458
Lãi từ hoạt động đầu tư	4		95.603.790.843	(14.999.969.923)
Chi phí lãi vay và chi phí khác	5		(233.943.873.977)	(44.195.826.331)
	6		1.189.885.539.494	1.387.450.241.813
Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	8		(150.298.821.753)	(187.570.181.956)
Biến động các khoản phải thu và tài sản khác	9		132.348.418.794	(871.610.213)
Biến động các khoản phải trả và nợ khác	11		(173.295.491.915)	(8.423.206.310)
Biến động các khoản trả trước	12		(59.541.924)	(6.937.546.135)
Biến động chứng khoán kinh doanh	13		(100.229.315.000)	-
			(291.534.751.798)	(203.802.544.614)
Tiền lãi vay đã trả	14		(1.073.968.230.417)	(1.198.019.754.254)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	20		(1.365.502.982.215)	(1.401.822.298.868)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(3.361.046.320)	(4.030.000.000)
Tiền chi cho vay và tiền gửi ngân hàng	23		(34.280.523.753.202)	(1.941.676.000.000)
Tiền thu hồi cho vay và tiền gửi ngân hàng	24		4.921.415.841.148	2.155.500.000.000
Chi tiền cho các khoản đầu tư	25		(5.288.000.188.341)	(1.015.101.000.000)
Tiền thu từ thanh lý đầu tư vào công ty con và đơn vị khác	26		31.987.936.167.305	4.320.097.521.760
Tiền thu từ lãi tiền gửi, cổ tức và thu nhập khác từ hoạt động đầu tư	27		261.677.408.929	286.069.755.635
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	30		(2.400.855.570.481)	3.800.860.277.395

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính quý riêng này

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MASAN

Mẫu số B 03a – DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	Từ 1/1/2022 đến 30/6/2022 VND	Từ 1/1/2021 đến 30/6/2021 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31		70.832.070.000	58.514.460.000
Tiền thu từ vay và phát hành trái phiếu	33		3.879.100.000.000	3.013.866.883.528
Tiền trả nợ gốc vay và trái phiếu	34		(3.797.250.000.000)	(2.985.133.452.055)
Tiền chi trả cổ tức	36		-	(1.078.869.400)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	40		152.682.070.000	86.169.022.073
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(3.613.676.482.696)	2.485.207.000.600
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60		4.934.770.809.881	202.737.784.651
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61		(3.790.843)	(30.077)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	70	4	1.321.090.536.342	2.687.944.755.174

Ngày 29 tháng 7 năm 2022

Người lập:



Nguyễn Huy Hùng
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Đỗ Thị Quỳnh Trang
Giám đốc Tài chính



Danny Le
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính quý riêng này

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MASAN

Mẫu số 09a – DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ RIÊNG CHO KỶ KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2022

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính quý riêng đính kèm.

1 ĐƠN VỊ BÁO CÁO

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty bao gồm tư vấn quản lý, tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật) và thực hiện các hoạt động huy động vốn và đầu tư trên quy mô tập đoàn và cho các công ty thành viên.

Công ty sở hữu vốn trong các công ty con trực tiếp và công ty con gián tiếp (gọi chung là công ty thành viên), và thông qua các công ty này để tư vấn, quản lý hoạt động kinh doanh ở các công ty khác trong Tập đoàn (được hiểu là Công ty và các công ty thành viên).

Doanh thu và thu nhập của Công ty đến từ hoạt động tư vấn quản lý và quản lý các khoản đầu tư tại các công ty thành viên trong Tập đoàn còn được thể hiện thông qua các khoản thu nhập cổ tức được nhận từ các công ty thành viên, các khoản tiền lãi từ việc cho vay các công ty thành viên, lãi từ việc chuyển nhượng các công cụ tài chính và lãi từ việc chuyển nhượng vốn hoặc cổ phần từ các công ty thành viên trong Tập đoàn và các khoản thu nhập hợp pháp khác.

(c) Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

2 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính quý.

Công ty cũng lập và phát hành riêng rẽ báo cáo tài chính quý hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Công ty và các công ty con (sau đây được gọi chung là “Tập đoàn”), kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, báo cáo tài chính quý riêng này cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính quý hợp nhất của Tập đoàn cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính quý riêng này, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính quý riêng được lập cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ RIÊNG CHO KỲ KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2022 (tiếp theo)

2 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam ("VND"), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính quý.

(e) Số liệu so sánh

Số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2022 được mang sang từ số liệu được kiểm toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021.

3 TÓM TẮT NHỮNG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính quý riêng này. Những chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính quý riêng này nhất quán với những chính sách kế toán được áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng năm gần nhất.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao có thể dễ dàng chuyển đổi thành khoản tiền xác định trước, ít rủi ro về thay đổi giá trị và được giữ nhằm đáp ứng nhu cầu thanh toán ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các trái phiếu được Công ty nắm giữ vì mục đích kinh doanh, tức là mua vào bán ra để thu lợi nhuận trong thời gian ngắn. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua cộng các chi phí mua. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi thu nhập lãi liên quan đến giai đoạn trước khi mua chứng khoán kinh doanh và dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập khi giá thị trường của chứng khoán giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của chúng. Sau khi khoản dự phòng được lập, nếu giá thị trường của chứng khoán tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của chứng khoán kinh doanh không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khoán này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc của Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ RIÊNG CHO KỲ KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2022 (tiếp theo)

3 TÓM TẮT NHỮNG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

(c) Các khoản đầu tư (tiếp theo)

(iii) Đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và công ty khác

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và công ty khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Ban Tổng Giám đốc của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại, chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến, và chi phí để tháo dỡ, di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- nâng cấp tài sản thuê 5 năm
- thiết bị văn phòng 3 - 5 năm
- phương tiện vận chuyển 6 năm

(f) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm máy vi tính này không là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Nguyên giá phần mềm máy vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2 đến 5 năm.

(g) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí nâng cấp tài sản thuê cho văn phòng mới chưa được hoàn thành. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình nâng cấp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ RIÊNG CHO KỲ KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2022 (tiếp theo)

3 TÓM TẮT NHỮNG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

(h) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2 đến 3 năm.

(ii) Chi phí đi vay trả trước

Chi phí đi vay trả trước được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian vay.

(i) Phải trả người bán và phải trả khác

Phải trả người bán và phải trả khác được phản ánh theo nguyên giá.

(j) Trái phiếu phát hành

Trái phiếu thường

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, trái phiếu được xác định theo giá gốc bao gồm khoản tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu trừ đi chi phí phát hành. Các khoản chiết khấu, phụ trội và chi phí phát hành được phân bổ dần theo phương pháp đường thẳng trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

(k) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ được sử dụng.

(l) Vốn chủ sở hữu

(i) Vốn cổ phần và thặng dư vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông được phân loại như vốn chủ sở hữu. Phần chênh lệch tăng do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận là khoản giảm thặng dư vốn cổ phần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ RIÊNG CHO KỲ KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2022 (tiếp theo)

3 TÓM TẮT NHỮNG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

(l) Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

(ii) Vốn khác của chủ sở hữu

Các thỏa thuận phát hành một số lượng cổ phiếu nhất định vào một ngày ấn định trong tương lai, được ghi nhận dựa trên giá trị hợp lý tại ngày của các thỏa thuận và được ghi nhận vào vốn khác của chủ sở hữu nếu không tồn tại các thỏa thuận thay thế nào khác.

(m) Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm thu nhập cổ tức, thu nhập lãi tiền gửi, lãi trái phiếu, lãi cho vay, lãi từ thanh lý các khoản đầu tư và lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái.

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

Thu nhập cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(n) Chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm chi phí lãi vay từ các khoản vay và trái phiếu, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái, chi phí đi vay được phân bổ và lỗ từ thanh lý các khoản đầu tư.

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay phát sinh trong suốt thời gian hình thành tài sản sẽ được vốn hóa và ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(o) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty và Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và Tập đoàn và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

(p) Kế hoạch về quyền chọn mua cổ phần

Cổ phiếu phát hành cho nhân viên theo kế hoạch về quyền chọn mua cổ phần cho nhân viên được phát hành theo giá quy định trong nghị quyết của Hội đồng Quản trị.

4 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/6/2022 VND	1/1/2022 VND
Tiền mặt	64.826.703	64.826.703
Tiền gửi ngân hàng	1.053.193.639.639	4.934.705.983.178
Các khoản tương đương tiền	267.832.070.000	-
	<u>1.321.090.536.342</u>	<u>4.934.770.809.881</u>

Các khoản tương đương tiền phản ánh tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng với kỳ hạn không quá ba tháng kể từ ngày giao dịch.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MASAN

Mẫu số B 09a – DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ RIÊNG CHO KỲ KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2022 (tiếp theo)

5 CÁC KHOẢN PHẢI THU

(a) Phải thu về cho vay ngắn hạn

	30/6/2022 VND	1/1/2022 VND
Phải thu từ các bên liên quan	235.440.000.000	311.676.000.000
Phải thu từ các bên khác	-	2.452.812.000.000
	<u>235.440.000.000</u>	<u>2.764.488.000.000</u>

(b) Phải thu về cho vay dài hạn

	30/6/2022 VND	1/1/2022 VND
Phải thu từ các bên liên quan	31.887.946.167.305	-
	<u>31.887.946.167.305</u>	<u>-</u>

(c) Phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2022 VND	1/1/2022 VND
Lãi phải thu từ các bên liên quan	873.128.765	9.808.796.824
Lãi ngân hàng phải thu	691.994.175	-
Ký quỹ ngắn hạn	359.965.000	29.500.000
Phải thu về thanh lý trái phiếu chuyển đổi	-	283.750.000.000
Phải thu khác	550.000.000	19.785.349.068
	<u>2.475.087.940</u>	<u>313.373.645.892</u>

(d) Phải thu dài hạn khác

	30/6/2022 VND	1/1/2022 VND
Khoản phải thu từ các bên liên quan	141.083.673.594	-
Ký quỹ dài hạn	4.946.326.052	4.828.186.052
	<u>146.029.999.646</u>	<u>4.828.186.052</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MASAN

Mẫu số B 09a – DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ RIÊNG CHO KỲ KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2022 (tiếp theo)

6 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Năng cấp tài sản thuê VND	Thiết bị văn phòng VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu kỳ	34.614.411.928	9.482.695.440	5.652.028.000	49.749.135.368
Tăng trong kỳ	1.066.791.600	97.170.700	-	1.163.962.300
Số dư cuối kỳ	35.681.203.528	9.579.866.140	5.652.028.000	50.913.097.668
Khấu hao lũy kế				
Số dư đầu kỳ	27.007.649.071	8.065.892.254	1.189.814.499	36.263.355.824
Khấu hao trong kỳ	1.451.265.613	363.319.578	471.002.334	2.285.587.525
Số dư cuối kỳ	28.458.914.684	8.429.211.832	1.660.816.833	38.548.943.349
Giá trị còn lại				
Số dư đầu kỳ	7.606.762.857	1.416.803.186	4.462.213.501	13.485.779.544
Số dư cuối kỳ	7.222.288.844	1.150.654.308	3.991.211.167	12.364.154.319

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MASAN

Mẫu số B 09a – DN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ RIÊNG CHO KỲ KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6
NĂM 2022 (tiếp theo)**

7 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	30/6/2022 VND	1/1/2022 VND
Đầu tư tài chính dài hạn		
Đầu tư vào công ty con (a)	24.146.060.182.463	24.046.070.182.463
Đầu tư vào công ty liên kết (b)	4.378.837.077.636	4.378.837.077.636
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (c)	-	14.570.165.994.964
	<u>28.524.897.260.099</u>	<u>42.995.073.255.063</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MASAN

Mẫu số B 09a – DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ RIÊNG CHO KỶ KẾT THỨC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2022 (tiếp theo)

7 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(a) Đầu tư vào các công ty con

Chi tiết các khoản đầu tư của Công ty vào công ty con sở hữu trực tiếp như sau:

	30/6/2022				1/1/2022					
	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
• Công ty Cổ phần Tầm Nhìn Masan ("MH") (**)	99,9%	99,9%	15.287.199.980.000	-	(*)	99,9%	99,9%	15.287.199.980.000	-	(*)
• Công ty Cổ phần Masan MEATLife ("MML")	78,7%	78,7%	2.030.991.202.463	-	(*)	78,7%	78,7%	2.030.991.202.463	-	(*)
• Công ty TNHH The Sherpa ("SHERPA")	99,9%	99,9%	6.727.879.000.000	-	(*)	99,9%	99,9%	6.727.879.000.000	-	(*)
• Công ty TNHH Zenith Investment ("Zenith") (**)	99,9%	99,9%	99.990.000.000	-	(*)	0,0%	0,0%	-	-	(*)
			24.146.060.182.463	-	(*)			24.046.070.182.463	-	(*)

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn này để thuyết minh trong báo cáo tài chính quý riêng bởi vì Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

(**) Công ty con này của Công ty được thành lập trong tháng 6 năm 2022.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MASAN

Mẫu số B 09a – DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ RIÊNG CHO KỶ KẾT THỨC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2022 (tiếp theo)

7 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(b) Đầu tư vào công ty liên kết

Chi tiết các khoản đầu tư của Công ty vào công ty liên kết như sau:

	30/6/2022				1/1/2022					
	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỳ thương Việt Nam ("Techcombank")	14,9%	14,9%	4.378.837.077.636	-	18.639.415.989.450	14,9%	14,9%	4.378.837.077.636	-	26.215.774.950.000

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 và ngày 1 tháng 1 năm 2022, giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Techcombank được xác định bằng cách tham chiếu giá niêm yết tại các ngày tương ứng trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MASAN

Mẫu số B 09a – DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ RIÊNG CHO KỶ KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2022 (tiếp theo)

7 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chi tiết đầu tư góp vốn vào đơn vị khác của Công ty như sau:

	30/6/2022			1/1/2022						
	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty Cổ phần The CrownX ("CrownX")	0,00%	0,00%	-	-	(*)	9,02%	9,02%	14.570.165.994.964	-	(*)

Biến động trong kỳ của khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	CrownX VND
Số dư đầu kỳ	14.570.165.994.964
Tăng trong kỳ	5.188.010.188.341
Giảm trong kỳ	(19.758.176.183.305)
Số dư cuối kỳ	-

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư góp vốn này để thuyết minh trong báo cáo tài chính quý riêng bởi vì Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Trong tháng 6 năm 2022, Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ lợi ích vốn chủ sở hữu trong CrownX cho Zenith, một công ty con sở hữu trực tiếp của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MASAN

Mẫu số B 09a – DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ RIÊNG CHO KỶ KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2022 (tiếp theo)**8 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí đi vay trả trước VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu kỳ	4.312.613.838	106.656.356.473	110.968.970.311
Tăng trong kỳ	630.239.500	-	630.239.500
Phân bổ trong kỳ	(1.168.962.652)	(28.521.108.284)	(29.690.070.936)
Số dư cuối kỳ	<u>3.773.890.686</u>	<u>78.135.248.189</u>	<u>81.909.138.875</u>

9 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	30/6/2022 VND	1/1/2022 VND
Lãi vay phải trả	448.130.007.405	463.966.158.816
Phí tư vấn	337.567.302	172.230.058.787
Khác	30.959.735.839	45.653.649.462
	<u>479.427.310.546</u>	<u>681.849.867.065</u>

10 PHẢI TRẢ KHÁC

	30/6/2022 VND	1/1/2022 VND
Đặt cọc từ công ty con liên quan hợp đồng chuyển nhượng cổ phần	12.229.759.984.000	-
Đặt cọc từ bên thứ ba liên quan hoạt động đầu tư	1.160.700.000.000	-
Cổ tức phải trả	18.038.160	18.038.160
Khác	225.967.702	280.000.101
	<u>13.390.703.989.862</u>	<u>298.038.261</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MASAN

Mẫu số B 09a – DN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ RIÊNG CHO KỲ KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6
NĂM 2022 (tiếp theo)**

11 VAY VÀ TRÁI PHIẾU

	30/6/2022 VND	1/1/2022 VND
Vay ngắn hạn		
Vay ngắn hạn	-	3.048.650.000.000
Vay dài hạn và trái phiếu đến hạn trả	12.202.540.000.000	1.729.400.000.000
	<u>12.202.540.000.000</u>	<u>4.778.050.000.000</u>
Vay và trái phiếu dài hạn		
Vay và trái phiếu dài hạn	<u>13.761.266.222.312</u>	<u>22.065.773.870.108</u>



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MASAN

Mẫu số B 09a – DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ RIÊNG CHO KỶ KẾT THỨC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2022 (tiếp theo)

12 BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	11.746.832.460.000	11.084.296.541.079	(1.695.338.182.568)	2.072.743.689.018	23.208.534.507.529
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	1.725.926.701.022	1.725.926.701.022
Phát hành cổ phiếu mới	58.514.460.000	(50.000.000)	-	-	58.464.460.000
Chia cổ tức	-	-	-	(1.416.641.630.400)	(1.416.641.630.400)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	11.805.346.920.000	11.084.246.541.079	(1.695.338.182.568)	2.382.028.759.640	23.576.284.038.151
Phát hành cổ phiếu mới	2.431.900.910.000	(2.361.118.840.000)	-	-	70.782.070.000
Lỗ thuần trong kỳ	-	-	-	(1.092.848.376.091)	(1.092.848.376.091)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2022	14.237.247.830.000	8.723.127.701.079	(1.695.338.182.568)	1.289.180.383.549	22.554.217.732.060

Đại hội Cổ đông Thường niên của Công ty vào ngày 29 tháng 4 năm 2022 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị ngày 20 tháng 6 năm 2022 đã thông qua Phương án tạm ứng cổ tức bằng tiền với tỷ lệ 8% trên mệnh giá mỗi cổ phiếu. Trong tháng 7 năm 2022, Công ty đã chi trả cổ tức bằng tiền mặt với tổng giá trị 1.138.980 triệu VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MASAN

Mẫu số B 09a – DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ RIÊNG CHO KỲ KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2022 (tiếp theo)

13 VỐN CỔ PHẦN VÀ THẶNG DƯ VỐN

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2022		1/1/2022	
	Số lượng cổ phiếu	Triệu VND	Số lượng cổ phiếu	Triệu VND
Vốn cổ phần được duyệt	1.423.724.783	14.237.247.830.000	1.180.534.692	11.805.346.920.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	1.423.724.783	14.237.247.830.000	1.180.534.692	11.805.346.920.000
Cổ phiếu lưu thông				
Cổ phiếu phổ thông	1.423.724.783	14.237.247.830.000	1.180.534.692	11.805.346.920.000
Thặng dư vốn cổ phần	-	8.723.127.701.079	-	11.084.246.541.079

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Trong năm 2018, Công ty đã ký một thỏa thuận cấp cho SK Investment Vina I Pte. Ltd. ("SK"), một cổ đông, một quyền chọn bán. Trong trường hợp Công ty và SK không thực hiện được việc tạo ra giá trị và sự cộng hưởng từ mối quan hệ đối tác hoặc không đồng ý với các định hướng chiến lược của Công ty, SK có một quyền chọn không thể hủy ngang để yêu cầu Công ty hoặc người được chỉ định bởi Công ty mua lại toàn bộ 109.899.932 cổ phiếu của Công ty đã phát hành vào ngày 2 tháng 10 năm 2018 ("Ngày Hoàn Tất") với giá mỗi cổ phiếu là 100.000 VND, giá này sẽ được trừ đi các khoản cổ tức và phân phối khác mà Công ty đã trả, và sẽ được điều chỉnh trong trường hợp phát sinh suy giảm. Quyền chọn này sẽ được thực hiện sau năm thứ 5 kể từ Ngày Hoàn Tất và trong năm thứ 6 kể từ Ngày Hoàn Tất. Quyền chọn này chỉ có thể được thực hiện một lần đối với toàn bộ số cổ phiếu trên và sẽ vô hiệu nếu SK bán bất kỳ cổ phiếu nào trong số đó.

Biến động vốn cổ phần trong kỳ như sau:

	Từ 1/1/2022 đến 30/6/2022		Từ 1/1/2021 đến 30/6/2021	
	Số lượng cổ phiếu	VND	Số lượng cổ phiếu	VND
Số dư đầu kỳ	1.180.534.692	11.805.346.920.000	1.174.683.246	11.746.832.460.000
Phát hành cổ phiếu mới thu tiền	7.083.207	70.832.070.000	5.851.446	58.514.460.000
Phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu	236.106.884	2.361.068.840.000	-	-
Số dư cuối kỳ	1.423.724.783	14.237.247.830.000	1.180.534.692	11.805.346.920.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MASAN

Mẫu số B 09a – DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ RIÊNG CHO KỲ KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2022 (tiếp theo)**14 VỐN KHÁC CỦA CHỦ SỞ HỮU**

Thỏa thuận phát hành một số cổ định của cổ phiếu trong tương lai được công nhận dựa trên các giá trị hợp lý tại ngày của các thỏa thuận dưới vốn khác nếu không có giải pháp thay thế giải pháp khác.

15 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 1/1/2022 đến 30/6/2022 VND	Từ 1/1/2021 đến 30/6/2021 VND
Thu nhập lãi từ tiền gửi và đầu tư trái phiếu	12.624.856.334	37.315.370.275
Thu nhập lãi từ các khoản cho các công ty con vay và bên liên quan khác	174.581.188.987	6.880.456.056
Thu nhập lãi từ các khoản cho các bên khác vay	46.737.828.656	-
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	116.011	15.000.000.000
	<u>233.943.989.988</u>	<u>59.195.826.331</u>

16 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 1/1/2022 đến 30/6/2022 VND	Từ 1/1/2021 đến 30/6/2021 VND
Chi phí lãi vay, lãi trái phiếu phát hành và lãi từ khoản đặt cọc liên quan đến hoạt động đầu tư	1.053.492.134.085	1.246.758.968.347
Chi phí phát hành trái phiếu và chi phí đi vay	136.393.405.409	140.691.273.466
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	95.603.906.828	30.077
	<u>1.285.489.446.322</u>	<u>1.387.450.271.890</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MASAN

Mẫu số B 09a – DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ RIÊNG CHO KỲ KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2022 (tiếp theo)

17 CÁC GIAO DỊCH CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Cùng với số dư của bên liên quan và các giao dịch trình bày trong thuyết minh khác trong báo cáo tài chính riêng này. Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam trong kỳ như sau:

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Từ 1/1/2022 đến 30/6/2022 VND	Từ 1/1/2021 đến 30/6/2021 VND
Công ty con sở hữu trực tiếp			
Công ty TNHH The Sherpa	Góp vốn		- 1.000.000.000.000
	Chuyển nhượng khoản đầu tư		- 4.320.097.521.760
	Cho vay		- 1.000.000.000.000
	Thu hồi khoản cho vay		- 1.395.500.000.000
	Thu nhập lãi cho vay		- 2.319.404.110
Công ty Cổ phần Tầm nhìn Masan	Cho vay	2.112.200.000.000	-
	Thu hồi khoản cho vay	2.112.200.000.000	-
	Khoản vay đã nhận	1.969.800.000.000	913.866.883.528
	Khoản vay đã hoàn trả	385.900.000.000	486.700.000.000
	Thu nhập lãi cho vay	26.761.906.849	-
	Chi phí lãi vay	7.772.753.425	123.610.615.514
	Lãi trái phiếu đã trả	33.940.385.208	-
Công ty TNHH Zenith Investment	Góp vốn	99.990.000.000	-
	Chuyển nhượng khoản đầu tư	19.758.176.183.305	-
	Nhận đặt cọc	12.229.759.984.000	-
	Cho vay	100.000.000	-
	Thu nhập lãi cho vay	17.808	-
Công ty con sở hữu gián tiếp			
Công ty Cổ Phần Hàng tiêu dùng Masan	Chia sẻ chi phí IT	1.091.200.002	2.004.729.142
	Mua hàng hóa	28.107.435	-
Công ty Cổ phần Masan Blue	Cho vay	31.887.946.167.305	-
	Thu nhập lãi cho vay	141.083.673.594	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MASAN

Mẫu số B 09a – DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ RIÊNG CHO KỲ KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2022 (tiếp theo)

17 CÁC GIAO DỊCH CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Từ 1/1/2022 đến 30/6/2022 VND	Từ 1/1/2021 đến 30/6/2021 VND
Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo	Khoản vay đã hoàn trả	-	1.143.479.452.055
	Cho vay	197.240.000.000	241.676.000.000
	Thu hồi khoản vay	181.676.000.000	60.000.000.000
	Thu nhập lãi cho vay	6.216.074.299	3.439.134.138
	Chi phí lãi vay	-	4.270.116.650
	Lãi từ đầu tư trái phiếu	691.994.175	-
			-
CTCP Dịch Vụ Thương Mại Tổng Hợp Wincommerce	Khoản vay đã nhận	330.000.000.000	-
	Khoản vay đã hoàn trả	330.000.000.000	500.000.000.000
	Chi phí lãi vay	9.324.739.726	2.652.602.740
	Cho vay	-	700.000.000.000
	Thu hồi khoản vay	-	700.000.000.000
	Thu nhập lãi cho vay	-	1.121.917.808
	Lãi trái phiếu đã trả	82.886.260.788	-
CTCP Masan MeatLife	Khoản vay đã nhận	258.600.000.000	-
	Khoản vay đã hoàn trả	2.921.350.000.000	150.000.000.000
	Chi phí lãi vay	12.207.522.956	-
	Lãi trái phiếu đã trả	86.459.153.425	373.972.603
Công ty TNHH MEATDeli HN	Mua hàng hóa	1.121.798.493	-
Công ty TNHH MEATDeli Sài Gòn	Mua hàng hóa	84.823.993	-
Công ty Cổ phần Mobicast	Cho vay	38.100.000.000	-
	Thu hồi khoản cho vay	130.000.000.000	-
	Thu nhập lãi cho vay	519.516.437	-
	Mua hàng hóa	40.520.504	-
Các bên liên quan khác Techcombank và các công ty con	Trái phiếu phát hành (Đại lý phát hành)	-	1.400.000.000.000
	Phí phát hành trái phiếu	-	38.210.000.000
	Bán chứng khoán kinh doanh	-	1.507.775.000.000
	Mua chứng khoán kinh doanh	-	1.507.775.000.000
			-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MASAN

Mẫu số B 09a – DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ RIÊNG CHO KỲ KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2022 (tiếp theo)

17 CÁC GIAO DỊCH CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Từ 1/1/2022 đến 30/6/2022 VND	Từ 1/1/2021 đến 30/6/2021 VND
Thành viên quản lý chủ chốt	Thù lao cho thành viên quản lý chủ chốt	21.247.610.339	16.137.261.373

18 SỰ KIẾN SAU KỲ BÁO CÁO

Nghị quyết của Hội đồng Quản trị của Công ty ngày 15 tháng 7 năm 2022 đã phê duyệt việc Công ty ký hợp đồng tín dụng với các ngân hàng cho khoản vay hợp vốn giá trị 205 triệu USD, cùng với quyền chọn gia tăng khoản vay thêm 45 triệu USD.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MASAN

Mẫu số B 09a – DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ RIÊNG CHO KỲ KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2022 (tiếp theo)

19 GIẢI TRÌNH BIẾN ĐỘNG LỢI NHUẬN THUẦN

(a) Giữa quý hiện tại của năm nay (2Q2022) với kỳ tương ứng của năm trước (2Q2021)

Lỗ sau thuế của Công ty trong Quý 2/2022 là 487 tỷ đồng so với lỗ sau thuế là 764 tỷ đồng của Quý 2/2021, chủ yếu do (i) tăng thu nhập lãi; và (ii) khoản chi phí không thường xuyên phát sinh trong Quý 2/2021.

(b) Giữa đầu năm đến kỳ báo cáo của năm hiện tại (YTD2022) với kỳ tương ứng của năm trước (YTD2021)

Lỗ sau thuế của Công ty của YTD2022 là 1.093 tỷ đồng so với lỗ sau thuế là 1.519 tỷ đồng của YTD2021, chủ yếu do ảnh hưởng thuần từ (i) tăng thu nhập lãi và giảm chi phí lãi vay; (ii) khoản chi phí không thường xuyên phát sinh trong Quý 2/2021; và (iii) hoàn nhập chi phí thuế.

(c) Giữa quý hiện tại của năm nay (2Q2022) với quý trước (1Q2022)

Lỗ sau thuế của Công ty trong Quý 2/2022 là 487 tỷ đồng so với lỗ sau thuế là 605 tỷ đồng của Quý 1/2022, chủ yếu do (i) tăng thu nhập lãi; và (ii) hoàn nhập chi phí thuế.

Ngày 29 tháng 7 năm 2022

Người lập:



Nguyễn Huy Hùng
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Đỗ Thị Quỳnh Trang
Giám đốc Tài chính



Danny Le
Tổng Giám đốc